

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 09-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Bà Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Cù Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 Tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

N T A, sinh ngày 01-01-1971 tại phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang; đăng ký thường trú: ấp A K, xã V M B, huyện H B, tỉnh Bạc Liêu; nơi ở hiện nay: ấp M T, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông N V L, đã chết và bà P T H, sinh năm 1947, còn sống; chồng tên T V H, đã ly hôn; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, đã chết, nhỏ nhất sinh năm 1995; chồng tên L M H, đã ly hôn; chồng tên D T P;

Tiền án: Ngày 22-3-2022 bị TAND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 20-01-2023;

Tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 25-4-1997, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 16 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

+ Ngày 19-12-2006, bị Tòa án nhân dân huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 23-11-2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 08-9-2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 19-8-2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 08-5-2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 20-01-2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Ngày 31-3-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 22-02-2018 chấp hành án xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-12-2024 cho đến nay, tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị hại*: Bà N T L (K H), sinh ngày 01-01-1983 (có mặt)

Nơi cư trú: khóm H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông D T P (B), sinh ngày 24-9-1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp M T, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng*: Bà D T L, bà L T N Y, bà P T K T, bà N T P L, bà L T N, bà N T T, bà N T T, bà N T T B, ông L T B, bà L K H, bà N T H, bà P T K Q, bà N T T B, anh D C T (tất cả vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22-12-2024, N T A điều khiển xe mô tô biển số 67AL – 241.30 đi từ nhà tại ấp M T, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang đến kiot bán quần áo của bà N T L thuộc chợ thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang để mua quần áo. Trong lúc lựa quần áo, A quan sát và nhìn thấy trong túi xách màu đen của bà L đang để trên đồng quần áo có cọc tiền, nên A kêu bà L T Y N là người giúp việc cho bà L lấy một cái áo sơ mi đang treo trên cao đem xuống để cho A xem. Khi bà N đang lấy áo, A lén lút lấy trộm cọc tiền 46.790.000 đồng trong túi xách của bà L, cất giấu trong túi áo khoác của A rồi tranh thủ điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường, không kịp xem áo khi bà N cung cấp. Sau đó, A đến tiệm vàng bằng hiệu “K M” thuộc phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang để đổi vàng, số tiền còn lại A tiêu xài cá nhân.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, bà L phát hiện bị mất trộm tiền trong túi xách, nên kiểm tra camera tại kiot và phát hiện A lấy trộm tiền nên đến Công an thị trấn A C, huyện C T trình báo nội dung vụ việc. Đến 18 giờ 40 phút ngày 22-12-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành bắt được N T A,

quá trình điều tra A khai nhận hành vi lấy trộm tiền của bà L như nội dung nêu trên.

Vật chứng liên quan đến vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 67AL – 241.30, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, số máy JK03E3342720, số khung RLHJK0357RY033291, đã qua sử dụng;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67AL – 241.30, mang tên D T L.
- 01 lắc lật bông, trọng lượng 4,698 chỉ vàng 15 kara; 01 dây chuyền khoen lật, 2,85 chỉ vàng 14 kara; 01 nhẫn đồng tiền, trọng lượng 0,43 chỉ vàng 14 kara. Hiện đã trao trả tất cả cho bị can A;
- 01 nón bảo hiểm màu xám;
- 01 áo thun tay ngắn màu đen, chấm bông hoa văn màu trắng;
- 01 quần thun dài màu đen, chấm bông hoa văn màu trắng;
- 01 áo khoác thun dài tay, chấm đen;
- Tiền Việt Nam: 40.096.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 62/KL-KTHS ngày 12-02-2025 của Phòng Kỹ thuật Hình sự – Công an tỉnh An Giang, kết luận: Trích xuất 17 (mười bảy) ảnh từ dữ liệu 02 tập tin video lưu trữ trong USB (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo. Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 07 trang A4

Về trách nhiệm dân sự: Bà L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã lấy trộm là 46.790.000 đồng.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo N T A khai nhận phù hợp như nội dung vụ án.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị hại bà L trình bày: Bà bị mất trộm tổng cộng 46.790.000 đồng, bao gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau. Trong đó: số tiền 36.790.000 đồng do bà thu tiền hội vào chiều ngày 21-12-2024 của các tiểu thương trong chợ A C, gần kiot của bà, còn lại 10.000.000 đồng là tiền cá nhân của bà. Khi thu tiền hội, bà chỉ ghi vào tờ giấy bìa cứng. Cọc tiền bà có buộc lại bằng sợi dây thun, lúc bà để tiền trong túi xách thì không ai biết. Bà yêu cầu xử lý bị can A theo quy định pháp luật, và yêu cầu A trả lại số tiền 46.790.000 đồng mà A đã lấy trộm.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D T P trình bày: Xe mô tô biển số 67AL – 241.30 do ông mua của chị ruột tên D T L, không có làm giấy tờ mua bán, hiện xe vẫn do L đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng thuộc quyền sở hữu của ông, thường ngày ông để cho con ruột tên D C T quản lý và làm phương tiện đi lại. Việc A điều khiển xe mô tô biển số 67AL – 241.30 để đi trộm cắp tài sản ngày 22-12-2024 ông hoàn toàn không hay biết; ông yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 67AL – 241.30 để làm phương tiện đi lại.

Người làm chứng bà D T L, bà L T N Y, bà P T K T, bà N T P L, bà L T N, bà N T T, bà N T T, bà N T T B, ông L T B, bà L K H, bà N T H, bà P T K Q, bà N T T B, anh D C T trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 10-3-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo N T A về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo N T A khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo N T A từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23-12-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Trả lại bị cáo 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 áo thun tay ngắn màu đen, chấm bông hoa văn màu trắng; 01 quần thun dài màu đen, chấm bông hoa văn màu trắng; 01 áo khoác thun dài tay, chấm đen.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P 01 xe mô tô biển số 67AL – 241.30, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, số máy JK03E3342720, số khung RLHJK0357RY033291, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67AL – 241.30, mang tên D T L;

Bị hại bà L được nhận số tiền 40.096.000 đồng

Theo quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSCT ngày 10-3-2025

Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại số tiền còn lại là 6.694.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng bà L, bà Y, bà T, bà L, bà N, bà T, bà T, bà B, ông B, bà H, bà H, bà Q, bà B, anh T vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo N T A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với biên bản ghi lời khai, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22-12-2024, tại kiot bán quần áo của bà L thuộc chợ A C, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang; bị cáo có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, đã lén lút chiếm đoạt của bị hại số tiền 46.790.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] *Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[4.1] *Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:* Như chúng ta đều biết tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Bị cáo tại thời điểm phạm tội là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo có hiểu biết nhất định về pháp luật. Trong vụ án này hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại số tiền 46.790.000 đồng.

[4.2] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Ngày 22-3-2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong bản án ngày 20-01-2023 nhưng chưa được xóa án tích nên bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự.

[4.3] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả với số tiền 40.096.000 đồng; bị cáo chưa có tiền sự; bị cáo không biết chữ nên

thiếu hiểu biết về pháp luật. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

[4.4] *Về nhân thân*: Bị cáo đã 08 lần bị Tòa án xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xét thấy: Bị cáo được áp dụng 1 tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm b khoản 1 và 1 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 và phải chịu 1 tình tiết tăng nặng; hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tội ít phạm nghiêm trọng. Tuy nhiên bị cáo đã 09 lần bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù là cần thiết nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, không tạo ra thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã trộm cắp là 46.790.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 40.096.000 đồng nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 6.694.000 đồng.

[7] *Về vật chứng liên quan đến vụ án*:

- Đối với: 01 xe mô tô biển số 67AL – 241.30, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, số máy JK03E3342720, số khung RLHJK0357RY033291, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67AL – 241.30, mang tên D T L là tài sản của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P, ông P không biết bị cáo dùng để đi trộm tài sản, ông P có yêu cầu nhận lại, tài sản không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho ông P;

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 áo thun tay ngắn màu đen, chàm bông hoa văn màu trắng; 01 quần thun dài màu đen, chàm bông hoa văn màu trắng; 01 áo khoác thun dài tay, chàm đen là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo;

- Đối với tiền Việt Nam 40.096.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả cho bị hại nên bị hại được nhận.

[8] *Về các vấn đề khác*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo N T A phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo N T A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23-12-2024.

Áp dụng: Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D T P 01 xe mô tô biển số 67AL – 241.30, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, số máy JK03E3342720, số khung RLHJK0357RY033291, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67AL – 241.30, mang tên D T L;

- Trả lại cho bị cáo N T A 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 áo thun tay ngắn màu đen, chấm bông hoa văn màu trắng; 01 quần thun dài màu đen, chấm bông hoa văn màu trắng; 01 áo khoác thun dài tay;

- Bị hại bà N T L được nhận số tiền 40.096.000đ (bốn mươi triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKS ngày 10-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Buộc bị cáo N T A tiếp tục bồi thường cho bị hại bà N T L số tiền 6.694.000đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo N T A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 335.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 535.000đ (năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Áp dụng: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo N T A, bị hại bà N T L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D T P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-4-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-Những người tham gia tố tụng;
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh An Giang;

Lý Đông Hoà

- Trại Tạm giam – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.